

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HSST

Ngày : 13/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông HA TÔNG

2/. Ông MAI PHÚ

- Thư ký phiên tòa: Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông TRẦN MINH TIẾN - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 13 tháng 9 năm 2018. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2018/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/QĐ-HSST ngày 31 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **LÊ THỊ BÍCH N**, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1969. Nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT: 144 - L, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng. Chỗ ở: 144 - L, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông: Lê Hoàng T, sinh năm 1944. Con bà: Ninh Thị K, sinh năm 1951. Hiện ở tại: 127/18 - Ấ, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Chồng: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1966, có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2001. Hiện ở tại: 144 - L, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại 144 - L, Phường 8 thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

2/ Họ và tên: **HỒ THANH N**. Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1993. Nơi sinh: Bình Định. Nơi ĐKNKTT: Khu phố D, thị trấn P, huyện P, Bình Định. Chỗ ở: 144 - L, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông: Bùi Văn T, sinh năm 1967. Hiện ở tại: Đội 13, C, xã M, huyện P, Bình Định; Con bà: Hồ Thị H, sinh năm 1969. Hiện ở tại: Khu phố D, Thị trấn P, huyện P, Bình Định. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 09/3/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

Người bị hại:

Chị Phùng Thị Thu H, sinh năm 1978. Hộ khẩu thường trú tại: 18/8 - L, Phường 10, thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa:

Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1966. Hộ khẩu thường trú tại: 144 - L, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng, là chồng của bị cáo Lê Thị Bích N, bào chữa cho cả hai bị cáo Lê Thị Bích N và bị cáo Hồ Thanh N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 15/01/2018, Lê Thị Bích N rủ Hồ Thanh N, là người ở trọ tại nhà mình, đi đòi tiền nợ mà chị Phùng Thị Thu H đã vay mượn của Lê Thị Bích N trước đó nhưng chưa trả thì Hồ Thanh N đồng ý. Hồ Thanh N điều khiển xe mô tô chở Lê Thị Bích N đến nhà chị Phùng Thị Thu H tại số 18/8 - L, Phường 10, thành phố Đ, Lâm Đồng, nhưng lúc này chị Thu H không có ở nhà nên cả hai ra gần đầu hẻm Lê Văn T đứng chờ. Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, chị Phùng Thị Thu H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 49B1-517.06 về tới đầu hẻm Lê Văn T thì Lê Thị Bích N đi bộ ra, chặn xe chị H lại và yêu cầu chị H đi vào hẻm nhỏ, cách đó khoảng 03 mét để nói chuyện. Chị Phùng Thị Thu H điều khiển xe đến vị trí do Lê Thị Bích N yêu cầu thì dừng xe lại, tắt máy xe, rút chìa khóa ra cầm ở tay phải và đứng cạnh xe mô tô. Lúc này Lê Thị Bích N đến, yêu cầu chị H phải trả tiền nợ cho Lê Thị Bích N, nếu không có tiền trả thì phải giao xe mô tô đang đi cho Bích N giữ thì chị H không đồng ý, Bích N liền dùng tay, giữ tay phải của chị H để gỡ chìa khóa xe chị H đang cầm trong tay, nhưng do chị H chống cự nên Bích N không lấy được chìa khóa. Sau đó Lê Thị Bích N bảo Hồ Thanh N đến phụ giúp để lấy chìa khóa xe của chị H thì Hồ Thanh N đồng ý, Hồ Thanh N đi tới chỗ chị H đứng, dùng hai tay bẻ tay chị H ra phía sau và giữ tay chị H ở sau lưng, đẩy chị H đi tới khoảng 02 mét thì dừng lại, Hồ Thanh N tiếp tục giữ tay chị H, làm cho chị H không chống cự được để Bích N đến gỡ lấy chìa khóa xe của chị H đang cầm trong tay. Sau khi gỡ và lấy được chìa khóa xe từ tay phải của chị H, Bích N đưa cho Hồ Thanh N và bảo Hồ Thanh N chạy xe về nhà. Khi Hồ Thanh N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 49B1-517.06 chạy đi thì chị H có đuổi theo để giữ xe lại nhưng không giữ được. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của chị Thu H đang đi, Hồ Thanh N điều khiển xe về nhà của Lê Thị Bích N và giao lại xe cho Lê Thị Bích N quản lý. Ngày 16/01/2018 chị Phùng Thị Thu H đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Tại Cơ quan Công an Lê Thị Bích N và Hồ Thanh N đã khai nhận toàn bộ sự việc như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá ngày 23/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận: Tài sản của chị Phùng Thị Thu H bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 49B1-517.06, trị giá 22.800.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận của Hội đồng định giá nêu trên. Xe này là xe do chị H mượn của anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1990, Hiện ở tại: 32/1 - V, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ xe và trả lại cho anh Toàn. Các bị cáo cũng đã bồi thường cho chị Phùng Thị Thu H 10.000.000 đồng. Chị H không có yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 13/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Lê Thị Bích N và Hồ Thanh N về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Bích N và Hồ Thanh N khai nhận vào tối ngày 15/01/2018 các bị cáo đã có hành vi sử dụng vũ lực đối với chị Phùng Thị Thu H để chiếm đoạt tài sản là một xe mô tô hiệu Honda Vision với mục đích buộc người bị hại phải trả số tiền nợ đã vay trước đó cho Lê Thị Bích N, nhưng vừa thực hiện xong hành vi một thời gian ngắn thì bị phát hiện, bắt giữ với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, các bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị Bích N và Hồ Thanh N đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với cả hai bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54 và điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Bích N từ 30 đến 36 tháng tù và xử phạt bị cáo Hồ Thanh N từ 24 đến 30 tháng tù, cho cả hai bị cáo được hưởng án treo. Phần bồi thường: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản và đã trả lại cho người bị mất, bị cáo cũng đã bồi thường cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ, tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Về vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã có Quyết định xử lý nên không xem xét để giải quyết tiếp.

Người bào chữa của bị cáo Lê Thị Bích N và Hồ Thanh N thừa nhận hành vi của các bị cáo là trái pháp luật, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét mục đích phạm tội của bị cáo không phải để chiếm đoạt tài sản của người bị hại mà chỉ vì mục đích đòi nợ; bị cáo Lê Thị Bích N đang bị bệnh thận, sức khỏe yếu và đang điều trị để giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo và đề nghị xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Bích N và Hồ Thanh N:

Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, các bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng người bị hại là phụ nữ, đang đi xe mô tô vào ban đêm trong khu vực vắng người qua lại để sử dụng vũ lực: người bẻ và giữ tay, người giật chìa khóa xe để chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô người bị hại đang sử dụng rồi tẩu thoát là hành vi trái pháp

luật, xâm hại trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo chiếm đoạt 01 xe mô tô trị giá 22.800.000 đồng, là tài sản có giá trị, tuy chỉ với mục đích để ép người bị hại trả nợ chứ không phải vì mục đích lấy xe, nhưng hành vi của cả hai bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Trong cả hai bị cáo thì bị cáo Lê Thị Bích N là người chủ mưu; bị cáo Hồ Thanh N là kẻ tham gia tích cực vì cả nể Bích N là chủ nhà trọ. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Thị Bích N và Hồ Thanh N đã phạm tội “Cướp tài sản”. Tội phạm đối với cả hai bị cáo được quy định tại khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Xét hành vi của cả hai bị cáo không vi phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng nào tại điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 nên các bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi bị phát hiện, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi, nên hành vi gây thiệt hại không lớn và các bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt. Bị cáo Hồ Thanh N phạm tội do cả nể, không vì động cơ vụ lợi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nào theo qui định của điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng hình phạt và trách nhiệm hình sự, có thể xử cả hai bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt do luật định. Xét bị cáo Lê Thị Bích N hiện đang bị bệnh nặng về thận, đang điều trị tại Bệnh viện Đại học y dược Thành phố Hồ Chí Minh, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Xét chưa cần thiết phải cách ly bị cáo Lê Thị Bích N ra khỏi xã hội mà có thể cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản và trả lại cho người bị hại, đến nay người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét để giải quyết phân trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo trong bản án này.

Về xử lý vật chứng:

Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm có: Một xe mô tô hiệu Honda Vision, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu, là người cho người bị hại mượn nên không xem xét để xử lý tiếp.

Về án phí:

Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Bích N và Hồ Thanh N phạm tội “Cướp tài sản”.

[2] . Áp dụng khoản 1 điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; điều 54 và điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị Bích N 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị Bích N cho Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án sẽ được thực hiện theo qui định tại khoản 4 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo Lê Thị Bích N phải thực hiện các nghĩa vụ qui định tại Luật thi hành án hình sự. Nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo tại Trại giam.

[3] . Áp dụng khoản 1 điều 168; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 và điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hồ Thanh N 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2018.

[4] . Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình